

**UNIT 3:****PEOPLE OF VIET NAM****LOOKING BACK****I/ NEW WORDS:**

|                     |                             |
|---------------------|-----------------------------|
| - standard          | (n): chuẩn, tiêu chuẩn      |
| - cooperation       | (n): sự h.tác, sự cộng tác  |
| - beam              | (n): xà, rầm                |
| - roof              | (n): nóc, mái nhà           |
| - peak              | (n): chóp, đỉnh, ngọn       |
| - elaborate         | (a): chi tiết, công phu     |
| - semi-nomadic life | (n): cuộc sống bán du mục   |
| - equality          | (n): quyền bình đẳng        |
| - overview          | (n): cái nhìn tổng quan     |
| - preservation      | (n): sự giữ gìn             |
| - typical           | (a): tiêu biểu, điển hình   |
| - architecture      | (n): kiểu kiến trúc         |
| - characteristic    | (n) : nét đ.trung, đặc điểm |